

# MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỀ THUẾ CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI WTO

Ths. NGUYỄN THANH HẢI \*

Việc nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO (bắt đầu từ năm 2007), có một ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội quan trọng, khẳng định vị thế quan trọng của Việt Nam trên trường quốc tế. Điều đó đánh dấu một bước ngoặt trong quan hệ kinh tế đối ngoại, đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của Việt Nam về các mặt kinh tế, chính trị, ngoại giao... Để phát huy đầy đủ vai trò là một thành viên của WTO, Việt Nam đang đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả các cam kết mà Việt Nam đã ký kết trong các Hiệp định gia nhập tổ chức WTO; trong đó, các cam kết về thuế được đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm góp phần đảm bảo các yêu cầu quản lý vĩ mô nền kinh tế, trong điều kiện hội nhập và mở cửa kinh tế ở mức độ cao.

## 1. Thực trạng hệ thống thuế

Những năm gần đây, Đảng, Nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý thuế và đã có những chỉ đạo kịp thời, hiệu quả nhằm đẩy mạnh công tác này phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước. Tại công văn số 147 - TB/TW ngày 16/7/2004 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam thông báo kết luận của Bộ Chính trị về việc thông qua Chiến

lược cải cách hệ thống thuế đến 2010, trong đó có nêu rõ: "Chiến lược cải cách hệ thống thuế là một trong những nội dung lớn của chiến lược tài chính đến năm 2010, có quan hệ chặt chẽ với quá trình của hội nhập kinh tế quốc tế. Trong những năm qua, chúng ta đã có những bước tiến bộ trong việc cải cách hệ thống thuế theo hướng tạo hành lang pháp luật trong chính sách thuế, quản lý thuế, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước,

đồng thời từng bước điều chỉnh các sắc thuế phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhờ đó, số thu từ thuế và phí hàng năm đều tăng, luôn trở thành nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của đất nước". Để cụ thể hoá việc thực hiện Chiến lược này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 201/2004/QĐ - TTg ngày 6/12/2004 về việc phê duyệt Chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010. Trong đó, có nội

\* Bộ Tài chính.

dung nhấn mạnh đến việc hoàn thiện hệ thống quản lý thuế theo hướng nhằm thực hiện các cam kết về thuế của Việt Nam đối với WTO gồm những nội dung quan trọng như: hạn chế tiến tới xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan; cắt giảm mức bảo hộ thuế quan để đẩy mạnh thương mại; giảm dần số lượng thuế suất trong từng sắc thuế; không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng diện chịu thuế, đối tượng nộp thuế; giảm các ưu đãi chính sách xã hội trong các sắc thuế hiện hành; ban hành một số loại thuế mới cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế và tương đồng với thông lệ quốc tế...

Có thể nói, cho đến nay, chúng ta đã hình thành được một hệ thống chính sách thuế bao quát hầu hết các nguồn thu, áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế và từng bước thích ứng với yêu cầu chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính sách thuế gồm 9 sắc thuế cơ bản (thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu

thụ đặc biệt; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế tài nguyên; thuế nhà đất; thuế chuyển quyền sử dụng đất). Ngoài ra, còn một số loại thu dưới hình thức phí và lệ phí. Hệ thống chính sách thuế đã trở thành công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo. Cụ thể: góp phần đưa tổng sản phẩm trong nước (GDP) liên tục tăng cao; thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% giảm xuống còn 24,3%, công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%. Thúc đẩy xuất khẩu, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng qua các năm: bình quân hàng năm trên

21% (gấp gần 3 lần mức tăng trưởng GDP) sản phẩm xuất khẩu đã qua chế biến tăng từ 8% năm 1991 lên 40% năm 2000. Nhờ xuất khẩu tăng, về cơ bản đã đảm bảo được nguồn ngoại tệ nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, hàng hoá cần thiết cho nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống nhân dân.

Đã hình thành một hệ thống tổ chức quản lý thuế thống nhất trong cả nước ngày càng được củng cố và tăng cường về mọi mặt; chịu sự lãnh đạo song trùng của ngành dọc và cấp uỷ, chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ quản lý thuế được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và phẩm chất. Áp dụng công nghệ tin học vào quản lý thuế. Do đó, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý thuế ngày càng được nâng cao, góp phần quyết định vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu Ngân sách Nhà nước hàng năm đã được Quốc hội thông qua.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thuế đã mở rộng hiểu biết, tích lũy thêm kinh nghiệm áp dụng

chính sách thuế tiên tiến và quản lý thuế hiện đại của quốc tế vào hệ thống thuế Việt Nam. Qua đó, hệ thống chính sách thuế Việt Nam từng bước được hoàn thiện và phù hợp với yêu cầu của hội nhập. Ngoài ra, chính sách thuế góp phần vừa bảo hộ được sản xuất trong nước, vừa chủ động thực hiện chính sách mở cửa để thu hút đầu tư, tự do hoá thương mại, thực hiện lộ trình cam kết về thuế với các nước trong khối ASEAN, EU, Hoa Kỳ và WTO.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống thuế của Việt Nam thời gian qua còn *bộc lộ những hạn chế*.

Một số chính sách thuế như thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hiện còn nặng về bảo hộ sản xuất trong nước. Các mặt hàng mới được sản xuất trong nước đều được bảo hộ bằng mức thuế nhập khẩu cao. Các ngành kinh tế chưa có chiến lược phát triển dài hạn, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, do đó việc bảo hộ bằng thuế còn thiếu sự chọn lọc, thậm chí nhiều mặt hàng còn bảo hộ quá mức, đặc biệt là ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước, mặc dù

được bảo hộ ở mức cao và trong thời gian dài nhưng vẫn chưa hình thành được ngành công nghiệp sản xuất ô tô như mong muốn. Hệ thống chính sách thuế chưa thực sự đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế, còn có sự phân biệt về thuế suất, điều kiện ưu đãi, mức, thời gian miễn giảm thuế giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giữa người Việt Nam với người nước ngoài. Hệ thống chính sách thuế vẫn còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, còn nhiều mức miễn giảm thuế làm hạn chế tính trung lập, không đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, dễ phát sinh tiêu cực, làm phức tạp công tác quản lý thuế.

Do môi trường tác động đến công tác quản lý thuế trong thời gian qua vẫn còn hạn chế: nội dung sắc thuế còn phức tạp, cơ chế quản lý thuế chưa được quy định rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật. Thủ tục hành chính thuế còn rườm rà, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân nộp thuế. Chưa quy định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương,

các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thuế.

Nhìn chung, trình độ hiểu biết về thuế, ý thức chấp hành các luật, pháp lệnh về thuế của đại bộ phận nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước còn nhiều hạn chế chưa tạo được dư luận rộng rãi lên án mạnh mẽ, thậm chí còn khá nhiều trường hợp thờ ơ, khuyến khích, đồng tình với các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế. Các giải pháp quản lý kinh tế - xã hội chưa được cải cách đồng bộ để hỗ trợ cho công tác quản lý thuế như: quản lý đất đai, quản lý thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý xuất nhập khẩu, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý đăng ký kinh doanh... đã làm hạn chế rất nhiều đến kết quả quản lý thuế.

## **2. Mục tiêu và các giải pháp nhằm thực hiện các cam kết về thuế của Việt Nam đối với WTO**

- Về mục tiêu: Xây dựng nhằm đạt được một hệ thống chính sách thuế đồng bộ, có cơ cấu hợp lý phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đáp ứng với các yêu cầu của điều kiện

hội nhập kinh tế, đồng thời xây dựng đảm bảo hiện đại hoá công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần thực hiện bình đẳng và công bằng xã hội...

#### - Những giải pháp cơ bản:

Một số giải pháp hoàn thiện công cụ thuế theo hướng: đảm bảo phù hợp với xu thế hội nhập nền kinh tế; thuế phải vừa thúc đẩy quá trình hội nhập nền kinh tế, vừa kiểm soát và hạn chế những tác động bất lợi có thể phát sinh quá trình này đến nền kinh tế của nước ta. Cụ thể:

*Một là, về mức động viên GDP:* để đảm bảo nguồn tài chính thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010 mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra, để đảm bảo duy trì sự ổn định an toàn của tài chính vĩ mô thì tỷ lệ động viên qua thuế, phí hàng năm phải đạt khoảng 19 - 20% GDP. Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 tỷ lệ động viên qua thuế, phí có thể phải đảm bảo từ 20 - 21% GDP. Đảm bảo được tỷ lệ động viên như trên là

cơ sở quan trọng cho quá trình thực thi chủ trương phát triển nền kinh tế theo hướng hội nhập sâu hơn vào WTO, bởi vì: Với tỷ lệ động viên như trên, Nhà nước mới có thể đủ nguồn lực, tạo cơ sở cho việc thực hiện quá trình hội nhập nền kinh tế một cách vững chắc và ổn định.; điều kiện để thực hiện hội nhập vững chắc là ngân sách nhà nước phải ổn định, không có những thâm hụt lớn, có dự trữ để đề phòng các rủi ro trong quá trình hội nhập sâu rộng nền kinh tế. Với tỷ lệ động viên như trên có thể duy trì thâm hụt ngân sách nhà nước ở mức dưới 5% - tỷ lệ được coi là an toàn.

*Hai là, về cơ cấu thu thuế:* Thực hiện các cam kết về thuế đối với WTO, chúng ta phải tiến hành cắt giảm thuế quan, không những số thu từ thuế nhập khẩu giảm mà còn kéo theo giảm các loại thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, điều này vừa ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước (NSNN). Để có thể hạn chế tác động bất lợi của việc thực hiện các cam kết quốc tế đến thu

ngân sách nhà nước, đảm bảo tính ổn định của ngân sách nhà nước trong giai đoạn tới, giải pháp về xử lý các sắc thuế như sau:

+ Đối với thuế nhập khẩu: để việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế không làm biến động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, đến thu NSNN nên có sự nghiên cứu cắt giảm thuế nhập khẩu theo các Hiệp định đã cam kết theo hướng có lợi cho nền kinh tế. Việc đàm phán các ràng buộc thuế quan với WTO được tiến hành trên cơ sở đánh giá năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế hiện có, tính đến khả năng phát triển của ngành trong tương lai với những lợi thế mà những ngành đó có thể đem lại trong quá trình hội nhập có thể phân loại các ngành hàng theo các nhóm với các cấp độ bảo hộ bằng thuế nhập khẩu, khác nhau...

+ Tiếp tục hoàn thiện và khai thác tốt các khoản thu thuế nội địa nhằm tăng dần các khoản thu nội địa, từng bước cơ cấu lại các sắc thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, nghiên cứu giảm tỷ trọng

của thuế gián thu, nâng dần tỷ trọng của thuế trực thu trong cơ cấu thu NSNN khi nền kinh tế có bước phát triển mạnh, mặt bằng thu nhập được nâng cao...

*Ba là, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế để tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thương mại, khuyến khích đầu tư. Cụ thể:*

+ Chuyển việc cấm xuất khẩu một số mặt hàng hiện nay (gỗ, sản phẩm gỗ...) bằng việc áp dụng thuế xuất khẩu, tiếp tục giảm và thu hẹp dần mặt hàng chịu thuế xuất khẩu. Điều này không những có tác dụng khuyến khích xuất khẩu mà còn đáp ứng yêu cầu phù hợp với các cam kết quốc tế mà chúng ta phải thực hiện là phải xoá bỏ dần các biện pháp phi thuế quan, đảm bảo tính minh bạch trong chính sách. Đối với thuế nhập khẩu nên có sự nghiên cứu để giảm thuế suất tối đa, bãi bỏ các hạn chế phi thuế quan, chuyển tối đa các quy định phi thuế quan sang thuế quan. Điều này không những có tác dụng thúc đẩy hoạt động nhập khẩu; mà còn phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã

và sẽ phải thực hiện đó là nguyên tắc thực hiện tự do hoá thương mại, nguyên tắc đảm bảo minh bạch trong chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế với bên ngoài.

+ Trong quá trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế, thuế được sử dụng như một công cụ thúc đẩy hoạt động đầu tư. Để có thể thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư thì đảm bảo môi trường thuế bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân là một việc làm có ý nghĩa thiết thực. Thu hẹp và thống nhất các ưu đãi thuế dành cho các loại hình doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc tăng cường ký kết hiệp định tránh đánh thuế trùng với các nước không những có tác dụng thu hút đầu tư nước ngoài và còn khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

*Bốn là, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế*

*nhằm phù hợp với thông lệ và các cam kết quốc tế, góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế với bên ngoài của Việt Nam:*

Việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế cho phù hợp với thông lệ quốc tế và tương thích với hệ thống thuế của các nước vừa đáp ứng yêu cầu của tổ chức WTO mà chúng ta là thành viên, hơn nữa vừa tạo cơ sở quan trọng để chúng ta có thể tăng tốc hội nhập kinh tế. Cụ thể:

+ Trong lĩnh vực thuế xuất nhập khẩu, cần nghiêm túc thực hiện theo quy định của GATT/WTO về áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu theo GATT/WTO đối với tất cả các hàng hoá nhập khẩu. Việc áp dụng giá tính thuế trên cơ sở giá trị giao dịch thực của hàng nhập khẩu theo nguyên tắc của GATT/WTO sẽ tạo một chính sách thuế quan rõ ràng, minh bạch phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây vừa là nghĩa vụ, vừa là điều kiện để nước ta đẩy mạnh hoạt động thương mại, tham gia đầy đủ vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới. Tiến hành xem xét giảm dần và đi đến xoá bỏ các ưu đãi thuế không

phù hợp với thông lệ và các cam kết quốc tế như bỏ quy định phân biệt đối xử trong thuế tiêu thụ đặc biệt, bỏ quy định thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá vì vi phạm Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của WTO, bỏ các quy định về thuế suất ưu đãi cho các doanh nghiệp có thành tích về xuất khẩu sản phẩm, quy định về thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu vì vi phạm quy định về cấm trợ cấp xuất khẩu của WTO.

+ Tiến tới thống nhất biểu thuế thu nhập cá nhân áp dụng chung cho cả người Việt Nam và người nước ngoài, cho phép khấu trừ những khoản chi phí tạo ra thu nhập, hạ thấp mức thuế suất tối đa để đảm bảo tính tương thích với hệ thống thuế của các nước trong khu vực, đảm bảo cho hệ thống thuế của Việt Nam có tính cạnh tranh nhằm thu hút vốn đầu tư.

*Sáu là, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế nhằm góp phần phòng ngừa và hạn chế những rủi ro mà hội nhập kinh tế có thể đem lại, cụ thể:*

Hiện nay, việc quy định

thực hiện thuế chống bán phá giá, thuế đối kháng còn rất sơ sài, cần được hoàn thiện hơn nữa, bởi lẽ trong điều kiện hội nhập kinh tế sâu rộng của Việt Nam ngày càng được đẩy nhanh, nếu như chúng ta không có các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro thì chúng ta khó có thể vượt qua các khó khăn thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế này. Thuế chống bán phá giá đánh vào hàng nhập khẩu khi hàng hoá đó được đưa vào thị trường trong nước với mức giá thấp hơn nhiều lần so với mức giá thế giới. Nhờ thuế chống phá giá mà có thể nâng giá những hàng hoá này lên ngang bằng mức giá trung bình thế giới, góp phần bảo vệ thị trường nội địa và đem lại số thu cho ngân sách nhà nước. Thuế đối kháng được áp dụng nhằm bảo vệ thị trường nội địa trong trường hợp nhập những hàng hoá với số lượng nhất định mà gây thiệt hại cho sản xuất trong nước, nhằm thực hiện trả đũa hoặc trừng phạt đối với những biện pháp phân biệt đối xử đối với những nước khi tham gia vào quan hệ đối ngoại khi vi phạm lợi ích

của nhau, là phương thức ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp nước ngoài. Trong luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cũng nên bổ sung quy định mức thuế nhập khẩu tuyệt đối, hạn ngạch thuế quan nhằm vừa góp phần tăng thu, vừa góp phần bảo hộ sản xuất trong nước mà vẫn không trái với thông lệ quốc tế.

Có thể nói, việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, đưa đến cho đất nước ta nhiều cơ hội, cũng như thách thức đối với việc thực hiện theo các định hướng phát triển độc lập, tự chủ và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Để tận dụng cơ hội phát triển, giảm thiểu nguy cơ rủi ro, chúng ta cần thực hiện đầy đủ, sáng tạo và hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Trong đó, việc thực hiện tốt các cam kết về thuế theo các Hiệp định gia nhập WTO sẽ đem lại sự chủ động của nước ta trong hội nhập, thúc đẩy các hoạt động thương mại và đầu tư, nâng cao vị thế của Việt Nam trong các quan hệ kinh tế quốc tế. □